

Số: 533 /KH-ĐHTM

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023

**KẾ HOẠCH CẢI TIẾN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
(Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 4/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học; căn cứ vào kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục, Trường Đại học Thương mại xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng như sau:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả KĐCLGD	Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD	Đơn vị/cá nhân chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4.00	Rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi hiện đại hơn, kết hợp với việc xây dựng bộ nhận diện thương hiệu.	HĐT	BGH	2023 – 2024
1.1	4	Xây dựng các chỉ số, lượng hóa và đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi; kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.	HĐT	BGH	2024 – 2025
1.2	4				
1.3	4				
1.4	4				
1.5	4				
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	4.25	Tăng cường thực hiện chức năng giám sát theo các lĩnh vực cụ thể phù hợp với nhiệm vụ của các Ban chuyên môn của Hội đồng Trường;	HĐT		2023 – 2025
2.1	5				

2.2	4	Chuẩn hóa các văn bản, căn cứ trong các quyết định của BGH. Phân cấp, phân công, ủy quyền tối ưu hơn nữa trong việc xây dựng và ban hành một số văn bản của Đảng ủy, HĐT và BGH. Tăng cường sự phối hợp giữa HĐT và BGH, cùng kiến tạo cho sự đổi mới, đặc biệt là đổi mới hoạt động NCKH và thu hút nguồn lực cho NCKH và đổi mới sáng tạo.	ĐU, HĐT	BGH	2023 – 2025
2.3	4				
2.4	4				
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	4.00	Rà soát, hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động và xem như một bộ luật để quản trị, quản lý, điều hành Trường khi tự chủ (hệ thống văn bản của Đảng ủy, Hội đồng, BGH và các văn bản liên kết – phối hợp – công tác giữa 3 chức năng quan trọng của các hệ thống trên); tích hợp được hết các văn bản liên quan đến cơ sở GDDH;	HĐT	BGH	2023 – 2025
3.1	3	Rà soát quy chế tài chính theo hướng cụ thể và có các định mức hơn. Hoàn thiện quy định về mối quan hệ công tác của Đảng ủy - Hội đồng trường và Ban Giám hiệu đảm bảo thể chế và xác định rõ. Đảng ủy xem xét ban hành các nghị quyết chuyên đề (trọng tâm) để chỉ đạo xuyên suốt cả nhiệm kỳ. Tuân thủ nguyên tắc tổ chức đảng lãnh đạo toàn diện, hội đồng quản trị dẫn dắt và quyết nghị, BGH thực thi.	HĐT	BGH	2023 – 2025
3.2	4				
3.3	4				
3.4	5				
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	3.75	Hoàn thiện Chiến lược phát triển bám sát sứ mạng của Trường giai đoạn mới, đặt trọng tâm vào sự phát triển, đổi mới sáng tạo; chú trọng nghiên cứu và phát triển chương trình giáo dục; thành lập trung tâm kết nối doanh nghiệp và thị trường... Xác lập các mục tiêu lớn, tăng số lượng lớn hơn cho phù hợp với quy mô và tiềm lực của Trường; các mục tiêu xác lập có điều kiện đảm bảo tính khả thi, giải pháp đúng thời điểm, quan tâm bối cảnh, thách thức để định hình quản trị rủi ro nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Bổ sung các chỉ tiêu mới bám sát nghị quyết của Đảng về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với các giải pháp căn cơ và khả thi cao; đặt trọng tâm vào phát triển chương trình đào tạo liên ngành dựa	HĐT	BGH	2023 – 2024
4.1	3		HĐT	BGH	2023 – 2024
4.2	4				
4.3	4				

4.4	4	<p>trên kết quả nghiên cứu về nguồn lực dự báo, về nhu cầu tư vấn chính sách từ Chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng trong bối cảnh mới của quốc tế và đất nước, trong đó năng lực phát triển chương trình của giảng viên phải là quyết định. Các chỉ tiêu và giải pháp được thể hiện rõ ràng hơn trong Nghị quyết của Đảng uỷ và Hội đồng trường và được kiểm tra giám sát (theo Điều lệ đảng) và giám sát (theo quy định của Hội đồng trường); được BGH chỉ đạo thực thi hàng tháng, quý và mỗi năm học.</p> <p>Nghiên cứu thành lập Ban chỉ đạo hoặc Ban thực thi Chiến lược giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2040; có các phụ lục cụ thể, chi tiết và chú trọng sự đánh giá tác động và các biện pháp quản lý rủi ro khi thực hiện chiến lược.</p>	BGH	P.TCNS	2023 – 2024	
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	4.25	<p>Nghiên cứu bổ sung vào mục tiêu chiến lược đến 2030 - 2040 về đào tạo, KHCN, PVCĐ theo hướng đề xuất các CTĐT mới theo hướng liên ngành đáp ứng thị trường lao động, trọng tâm nền kinh tế số; có quy hoạch ngành; có tư vấn chính sách lớn cho Chính phủ, bộ ngành và doanh nghiệp, các đề án lớn về kinh tế thương mại và quản lý. Khả năng phục vụ cộng đồng thể hiện ở môi trường giao tiếp giữa Trường với cộng đồng với tư cách Trường là trung tâm của đổi mới sáng tạo, trung tâm trí thức và văn hoá của cộng đồng.</p> <p>Bổ sung hoàn thiện chính sách về đào tạo, KHCN và PVCĐ theo tham chiếu Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 làm căn cứ chỉ đạo. Đặc biệt chú trọng tính chất nghiên cứu, đổi mới sáng tạo phục vụ trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết chặt 2 chức năng giảng dạy và NCKH của giảng viên.</p> <p>Nghiên cứu giải pháp tăng cường ý kiến các bên liên quan (thành phần ngoài trường) tham gia vào hoạt động cốt lõi của Trường.</p>	HĐT	BGH	2023 – 2025	
	5.1	4	<p>Kết quả hoạt động KHCN chuyên giao khoa học của Trường được khai thác hiệu quả, chuyển giao rộng rãi cho</p>	BGH, QLĐT, P.QLKH, TNCS	Các đơn vị thuộc Trường	2024 – 2025
	5.2	4		BGH	Các đơn vị thuộc Trường	2024 – 2025
			BGH, P.QLKH	KHTC, các Khoa/Viện	2024 – 2028	

5.3	4	cộng đồng, xã hội và tạo được nguồn thu. Hoàn thiện quy trình giám sát các chính sách phục vụ cộng đồng.	BGH, P.TCNS	Các đơn vị thuộc Trường	2024 – 2025
5.4	5				
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	4.29	<p>Quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ đầu ngành, đầu đàn (GS, PGS); quy hoạch sử dụng đội ngũ Tiến sĩ/nhà khoa học có trình độ cao để hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.</p> <p>Nghiên cứu giải pháp đột phá khuyến khích, trọng dụng về vật chất và tinh thần nhằm thu hút đội ngũ GV, NCV có trình độ cao, khắc phục tình trạng GV vượt giờ còn nhiều và tỷ lệ sinh viên/giảng viên vượt quá chuẩn quy định ở một số ngành.</p> <p>Bổ sung tiêu chuẩn, năng lực về NCKH, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH cho giảng viên.</p> <p>Hoàn thiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của giảng viên; nâng cao năng lực tham mưu, quản trị sử dụng thông tin phục vụ quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý.</p> <p>Rà soát, hoàn thiện hệ thống Ngân hàng chỉ số đánh giá hiệu suất làm việc (KPI) và việc áp dụng đánh giá CBVC/CBGV theo KPIs; quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ việc áp dụng kết quả KPIs để chi trả thu nhập, tạo động lực khuyến khích về kinh tế cho cán bộ nâng cao chất lượng hoạt động.</p>	BGH, P.TCNS	Các Khoa, Viện ĐTQT, Bộ môn	2023 – 2024
			BGH, P.TCNS	Các Khoa/ Viện, Bộ môn	2023 – 2025
			BGH, P.TCNS	Các Khoa/ Viện, Bộ môn	2023 – 2025
			BGH, P.TCNS	Các Khoa/ Viện, Bộ môn	2023 – 2025
			BGH, P.TCNS, P.KHTC	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2024
			BGH, P.TCNS, KT&ĐBCLGD	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2025
			BGH, P.TCNS	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2025
6.1	4	Thường xuyên tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan đối với các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực	BGH, P.TCNS, KT&ĐBCLGD	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2025
6.2	4				
6.3	4	Thực hiện cải tiến, điều chỉnh có tính đột phá về chế độ chính sách, hỗ trợ CBGV, quy hoạch nguồn nhân lực trong Trường nói chung và của CBGV nói riêng nhằm thu hút, bổ	BGH, P.TCNS	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2025
6.4	5				
6.5	4				

6.6	4	sung nguồn nhân lực có trình độ cao một cách hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, NCKH, PVCĐ của một ĐH theo định hướng nghiên cứu và thực hiện Chiến lược phát triển Trường.					
6.7	5						
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	4.40	<p>Điều chỉnh Chiến lược phát triển, tăng chỉ số KPIs phát triển nguồn thu KHCN, chú trọng tăng nguồn lực cho NCKH, tăng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước, trong đó có nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, đào tạo ngắn hạn và PVCĐ.</p> <p>Rà soát, hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ giảng viên nhằm thực các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ, đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển đến 2030, tầm nhìn 2040 trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao, trung tâm NCKH và PVCĐ, hợp tác, chuyển giao có uy tín của quốc gia và quốc tế.</p> <p>Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây mới giảng đường trung tâm, đầu tư hệ thống phòng thực hành, trang bị phần mềm ứng dụng phục vụ đào tạo.</p> <p>Thực hiện đề án chuyển đổi số giai đoạn 2, nâng cấp hạ tầng và tăng cường ứng dụng CNTT cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ nhằm thích ứng với sự thay đổi của CNTT, theo mô hình ĐH thông minh, ĐH điện tử.</p> <p>Tiếp tục nâng cấp hoàn thiện hệ thống thư viện, tăng cường nguồn tài nguyên số để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ của GV, SV.</p> <p>Xây dựng quy định về việc định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư;</p> <p>Khảo sát lấy ý kiến CBGV và người học về chất lượng hệ thống CNTT.</p>	HĐT, BGH, P.KHTC	P.QLKH, TT.ĐT&PT KNNN	2023 – 2024		
			BGH, P.KHTC	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2024		
			BGH, P.QTCSVC	P.KHTC, TT.CNTT	2023 – 2028		
			BGH, TT.CNTT, P.KHTC	Các đơn vị thuộc Trường	2024 – 2026		
			7.1	5			
			7.2	4			
			7.3	4			
			7.4	4			
7.5	5						
			BGH, P.QTCSVC	P.KT&ĐBCLGD	2025 – 2028		
			BGH, TT.CNTT	P.KT&ĐBCLGD	2023 – 2025		

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4.25	Xây dựng, ban hành mới văn bản Quy định về quản lý hoạt động HTQT, Quy định quản lý hoạt động hợp tác trong nước; hoàn thiện bộ công cụ rà soát và các chỉ báo (KPIs) và thực hiện rà soát tổng thể về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác của Trường.	BGH, P.ĐN&TT	Viện HTQT, P.TCNS	2023 – 2024
8.1	4	Phân tích đánh giá các hoạt động đối ngoại và mạng lưới đối tác trong nước định kỳ; có các chính sách, cơ chế cụ thể để tăng cường và khuyến khích các đơn vị, cá nhân và phát huy hiệu quả của các hợp tác trong lĩnh vực NCKH, chuyển giao tri thức và công nghệ, thương mại hóa các sản phẩm KHCN, tư vấn chính sách, nhằm thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược.	BGH, P.ĐN&TT	Viện ĐTQT, P.QLKH, TT.NC&PT KHCN	2024 – 2026
8.2	5				
8.3	4				
8.4	Đạt 4				
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	4.17	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu và bối cảnh phát triển của Trường, tương thích với các yêu cầu của hệ thống ĐBCL bên ngoài và bối cảnh Việt Nam (có thể tham chiếu các Khung ĐBCL ASEAN (AQAF) hoặc của Ủy ban Giáo dục đại học Châu Âu (ENQA), Khung Xuất sắc Baldrige...). Trong đó, tăng cường hơn nữa vai trò của bộ phận ĐBCL trong tham mưu tư vấn chiến lược, trong tiến trình xây dựng, giám sát đánh giá việc thực thi chiến lược phát triển, trong đánh giá các điều kiện ĐBCL triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ ... của Trường.	BGH, P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2025
9.1	5	Tiếp tục hoàn thiện các kế hoạch chiến lược, các nhiệm vụ hàng năm và hệ thống các quy định, hướng dẫn thực hiện công tác ĐBCL, lưu ý xây dựng đầy đủ bộ KPIs cho mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng và quan tâm công tác xếp hạng, chú trọng công tác truyền thông về ĐBCL, sử dụng các chỉ số xếp hạng để đặt mục tiêu phấn đấu phù hợp, đồng thời có các chỉ số giám sát và đánh giá các mục tiêu này.	BGH, P.KT&ĐBCLGD	P.TCNS, các đơn vị thuộc Trường	2025 – 2028
9.2	4				
9.3	4				
9.4	4				
9.5	4				
9.6	4				

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	4.50	<p>Tiếp tục cải tiến quy trình TĐG, quy trình chuẩn bị cho ĐGN.</p> <p>Triển khai kế hoạch thực hiện TĐG và chuẩn bị cho KĐCL các CTĐT sau đại học theo các tiêu chuẩn trong nước và các CTĐT đại học theo các tiêu chuẩn trong nước, quốc tế.</p> <p>Phân tích sâu để làm rõ xu hướng/diễn tiến của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ các thông tin, dữ liệu thông tin thu thập được. Đồng thời đối sánh với các cơ sở giáo dục ĐH khác một cách toàn diện để tìm kiếm các thực hành tốt nhất để đổi mới, cải tiến nâng cao chất lượng.</p> <p>Tiếp tục đầu tư đào tạo trình độ chuyên sâu, bồi dưỡng nghiệp vụ ĐBCL cho các cán bộ, nhất là ở nước ngoài để có thể kinh nghiệm quốc tế trong triển khai các hoạt động, trước mắt phục vụ trực tiếp cho công tác TĐG và đăng ký KĐCLGD các CTĐT theo chuẩn khu vực, quốc tế.</p>	<p>BGH, P.KT&amp;ĐBCLGD</p> <p>BGH, P.KT&amp;ĐBCLGD</p> <p>BGH, P.KT&amp;ĐBCLGD</p> <p>BGH, P.KT&amp;ĐBCLGD</p>	<p>Các đơn vị thuộc Trường</p> <p>Các Khoa, Viện</p> <p>Các đơn vị thuộc Trường</p> <p>Các đơn vị thuộc Trường</p>	<p>2023 – 2025</p> <p>2024 – 2028</p> <p>2025 – 2028</p> <p>2023 – 2028</p>
10.1	5				
10.2	4				
10.3	5				
10.4	4				
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	3.75	<p>Rà soát và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống thông tin ĐBCL bên trong và hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài đảm bảo được việc thu thập, phân tích và sử dụng những thông tin cần thiết phục vụ việc quản lý có hiệu quả những hoạt động cốt lõi của Trường gồm đào tạo, NCKH và PVCĐ; bổ sung hệ thống thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế của Trường với các CSGD khác, hoặc đối sánh ngoài các CTĐT, các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Cơ sở dữ liệu ĐBCL, đặc biệt giám sát chỉ số thực hiện KHCL cần được trực quan hóa bằng hình ảnh, biểu đồ để Trường có cơ sở đưa ra quyết định. Đồng thời xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, chú trọng công tác truyền thông về các thành tích đạt được để góp phần tạo thương hiệu, uy tín và tăng thêm hình ảnh của Trường trong và ngoài nước.</p>	<p>BGH, P.KT&amp;ĐBCLGD</p>	<p>Các đơn vị thuộc Trường</p>	<p>2024 – 2026</p>
11.1	4				
11.2	3				
11.3	4				
11.4	4				

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	3.80	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về đối sánh, trong đó lưu ý đến việc xác định hình thức, đánh giá hiệu quả của đối sánh; xác định rõ vai trò của đối sánh cấp khoa/viện, đối sánh cấp trường và đối sánh ngoài đối với hoạt động cải tiến liên tục; phương thức/hình thức đối sánh cũng cần được xác định dựa trên nhu cầu cải tiến các lĩnh vực hoạt động. Tùy theo mục đích sử dụng mà có thể lựa chọn đa dạng hơn các loại hình đối sánh, như đối sánh với đơn vị có thực tiễn tốt (Good Practices benchmarking), đối sánh theo dữ liệu xếp hạng (Ranking Data Benchmarking), đối sánh các hoạt động (Performance Benchmarking), đối sánh theo tiêu chí/chức năng (Criteria/Function Benchmarking); kết quả đối sánh cần được phân tích sâu sắc để tìm ra nguyên nhân, giải pháp cải tiến chất lượng hoặc lựa chọn các thông tin để tham khảo, học tập. Đồng thời rà soát đánh giá thường xuyên kết quả cải thiện năng lực cạnh tranh quốc tế để không ngừng cải tiến, nâng cao các vị trí xếp hạng và tăng cường các chỉ số thị trường giáo dục của Trường.	BGH, P.KT&ĐBCLGD	Các đơn vị thuộc Trường	2025 – 2028
12.1	4				
12.2	4				
12.3	3				
12.4	4				
12.5	4				
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	4.40	Xây dựng chính sách học bổng để thu hút các sinh viên giỏi, sinh viên quốc tế, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và tại các vùng đặc biệt. Xây dựng tiêu chí tuyển sinh riêng đối với CTĐT thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu.	BGH, P.CTSV	P.QLĐT P.KHTC	2023 – 2025
13.1	4		BGH, Viện ĐTSĐH	Các Khoa quan lý	2024 – 2026
13.2	5				
13.3	4				
13.4	4				
13.5	5				
		Xây dựng hệ thống quản trị khách hàng để quản lý sinh viên từ đầu vào đến khi trở thành cựu sinh viên; xây dựng cơ chế và quy trình giám sát, kiểm tra trước, trong và sau khi tuyển sinh đến khi người học tốt nghiệp.	BGH, P.QLĐT, P.CTSV, các Khoa/Viện	Các đơn vị thuộc Trường	2024 – 2027
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3.80	Xây dựng và ban hành quy trình phát triển các CTĐT, các mô hình đào tạo mới; xây dựng chiến lược phát triển và quy hoạch ngành đào tạo;	BGH, P.QLĐT, Viện ĐTQT, ĐTSĐH	Các Khoa, Bộ môn	2023 – 2025



14.1	4	<p>Lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan gồm cựu học viên, nghiên cứu sinh, người sử dụng lao động khi điều chỉnh CTĐT, đề cương học phần và CDR; tăng cường lấy ý kiến đề xuất điều chỉnh CTĐT, đề cương học phần từ người học và đơn vị trực tiếp tham gia CTĐT;</p> <p>Bổ sung lịch trình giảng dạy đối với các dạng học phần khác nhau.</p>	BGH, Các khoa/Viện	P.QLĐT, KT&ĐBCLGD	2023 – 2025
14.2	4		<p>BGH, P.QLĐT</p>	<p>Các khoa/Viện, Bộ môn</p>	<p>2023 – 2025</p>
14.3	3				
14.4	4				
14.5	4				
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	4.20	<p>Ban hành hướng dẫn lựa chọn phương pháp giảng dạy cụ thể đối với tất cả các CTĐT, các bậc đào tạo trong Trường;</p> <p>Điều chỉnh đề cương CTĐT thạc sĩ để đáp ứng CDR;</p> <p>Điều chỉnh đề án vị trí việc làm để tuyển dụng các giảng viên phù hợp với CTĐT mới;</p>	<p>BGH, P.QLĐT, Viện ĐTSĐH</p> <p>BGH, Viện ĐTSĐH</p> <p>BGH, P.TCNS</p>	<p>Các Khoa, Viện ĐTQT Bộ môn</p> <p>Các Khoa, Bộ môn</p> <p>Các Khoa, Bộ môn</p>	<p>2023 – 2025</p> <p>2023 – 2025</p> <p>2023 – 2025</p>
15.1	4	<p>Xây dựng giải pháp để hoàn thiện cơ sở dữ liệu cho hệ thống LMS.</p> <p>Nghiên cứu giải pháp về việc sử dụng hiệu quả hội Trường, lớp học, hệ thống phần mềm học tập, giảng dạy trong giai đoạn tới</p>	<p>BGH, P.QLĐT, Viện ĐTQT, ĐTSĐH</p> <p>BGH, P.QLĐT, Viện ĐTQT, ĐTSĐH</p>	<p>Các Khoa, Bộ môn, TT.CNTT</p> <p>P.QTCSVC</p>	<p>2023 – 2025</p> <p>2023 – 2025</p>
15.2	5				
15.3	4				
15.4	4				
15.5	4				
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	3.75	<p>Rà soát và điều chỉnh các đề cương học phần đảm bảo trọng số đánh giá theo hướng dẫn của Trường đã ban hành;</p> <p>Xây dựng và ban hành ma trận liên kết CDR của CTĐT thạc sĩ và CDR học phần; xây dựng lại các CTĐT thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu để đáp ứng được CDR; Cập nhật, bổ</p>	<p>BGH, P.QLĐT, Viện ĐTSĐH</p> <p>BGH, Viện ĐTSĐH</p>	<p>Các Khoa/Viện, Bộ môn</p> <p>Các Khoa, Bộ môn</p>	<p>2023 – 2025</p> <p>2023 – 2025</p>
16.1	4	<p>Xây dựng và ban hành ma trận liên kết CDR của CTĐT thạc sĩ và CDR học phần; xây dựng lại các CTĐT thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu để đáp ứng được CDR; Cập nhật, bổ</p>	<p>BGH, Viện ĐTSĐH</p>	<p>Các Khoa, Bộ môn</p>	<p>2023 – 2025</p>
16.2	3				

16.3	4	<p>sung các CTĐT thạc sỹ theo định hướng ứng dụng; Nghiên cứu các hình thức đánh giá người học phù hợp với các mô hình đào tạo mới; Tăng cường giải pháp để giám sát hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo đúng đề cương đã ban hành.</p>	<p>BGH, P.QLĐT, Viện ĐTSDH, P.KT&amp;ĐBCLGD</p>	<p>Các Khoa/ Viện, Bộ môn</p>	<p>2023 – 2025</p>
16.4	4				
<p>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</p>	4.50	<p>Xây dựng hệ thống tổng thể theo dõi, hỗ trợ xuyên suốt người học ở các mảng khác nhau từ đào tạo, tham gia NCKH, rèn luyện, các CLB, Đoàn TN, thực tập, làm khoá luận.</p> <p>Xây dựng giải pháp hỗ trợ nghiên cứu sinh, cao học viên với các dự án nghiên cứu quốc tế, gia tăng các kết quả nghiên cứu chất lượng cao;</p> <p>Phân tích xuyên suốt CDR của từng CTĐT và làm rõ mục tiêu, mọi kế hoạch, hành động để hỗ trợ hiệu quả cho người học nhằm đạt được mục tiêu và CDR như tham gia bắt buộc của người học trong cuộc sống sinh viên, Đoàn TN, tham gia của sinh viên trong NCKH, các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, PVCĐ.</p>	<p>BGH, P.QLĐT P.CTSV, P.QLKH</p>	<p>Các Khoa/ Viện, Bộ môn, ĐTN</p>	<p>2024 – 2026</p>
	17.1	4	<p>BGH, Viện ĐTSDH</p>	<p>Các Khoa, Bộ môn</p>	<p>2024 – 2026</p>
	17.2	5			
	17.3	4	<p>BGH, P.QLĐT, P.CTSV, P.QLKH</p>	<p>Các Khoa/ Viện, Bộ môn, ĐTN</p>	<p>2024 – 2027</p>
	17.4	5			
	17.2	5	<p>Nghiên cứu hệ thống giám sát, theo dõi, hỗ trợ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác hỗ trợ xuyên suốt người học, đặc biệt các điều kiện, phương tiện thực hiện công tác; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sự liên quan, ma trận, tính hiệu quả của các hoạt động và của từng đơn vị được giao trách nhiệm.</p>	<p>BGH, P.TCNS</p>	<p>Các Khoa/Viện, Bộ môn</p>
17.3	4				
<p>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</p>	4.00	<p>Triển khai hoạch định về NCKH một cách cụ thể, phân tích năng lực NCKH của đội ngũ để phân bổ chỉ tiêu phù hợp, kết hợp cả hai cách tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên giúp cho chiến lược/kế hoạch hay mục tiêu của trường dễ dàng thực hiện do có sự tham gia từ cấp dưới, phản ánh chính xác nhu cầu của GV và dễ dàng kiểm soát, đo lường được; đẩy mạnh việc thành lập và hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu, hướng tới hình thành nhiều nhóm nghiên cứu mạnh nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH;</p>	<p>BGH, P.QLKH, P.TCNS</p>	<p>TT.NC&amp;PT KHCN, các Khoa/Viện, Bộ môn</p>	<p>2024 – 2025</p>
18.1	5				
18.2	3				
18.3	4				
18.4	4				

		<p>Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn kinh phí cho NCKH và thu hút được đội ngũ Giáo sư và chuyên gia đầu ngành để dẫn dắt các hoạt động KHCN;</p> <p>Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong NCKH với các đối tác quốc tế xứng tầm với nội lực, phát triển được các ngành mũi nhọn, tạo bản sắc riêng và trở thành trường phái khoa học và đẩy mạnh hoạt động hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp, các cơ sở trong và ngoài nước.</p> <p>Xây dựng hệ thống theo dõi, rà soát, đánh giá các hoạt động NCKH hoàn chỉnh, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng, chất lượng hoạt động nghiên cứu và sáng tạo của đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và người học để có những điều chỉnh cải tiến phù hợp.</p>	<p>BGH, P.QLKH, P.TCNS</p> <p>BGH, P.QLKH TT.NC&amp;PT KHCN</p> <p>BGH, P.QLKH</p>	<p>P.KHTC, các Khoa/Viện, Bộ môn</p> <p>Các Khoa/ Viện, Bộ môn</p> <p>TT.NC&amp;PT KHCN, các Khoa/ Viện, Bộ môn</p>	<p>2024 – 2026</p> <p>2024 – 2026</p> <p>2024 – 2027</p>
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	3.75	<p>Thiết lập một cách có hệ thống việc quản lý và bảo hộ các TSTT. Đồng thời, đầu tư xây dựng chiến lược tạo TSTT, chiến lược khai thác “ra thị trường” các TSTT; bổ sung thành các KPIs vào chiến lược phát triển 2023-2030 và chuyển tải thành các nhiệm vụ hàng năm song song với việc đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH, tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa nhằm tăng nguồn thu và chú trọng công tác đăng ký để được công nhận bản quyền tác giả, giải pháp hữu ích,... đặc biệt trong bối cảnh Trường đang tích cực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp.</p>	<p>BGH, P.QLKH</p>	<p>Các Khoa/ Viện, Bộ môn, P.TCNS</p>	<p>2023 – 2025</p>
19.1	4				
19.2	4				
19.3	3				
19.4	4				
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	3.75	<p>Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng NCKH; chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác NCKH với đối tác là các trường/viện có thế mạnh, theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu là kết quả hợp tác NCKH giữa hai bên nhằm đáp ứng mục tiêu NCKH của Trường.</p>	<p>BGH, P.QLKH, TT.NC&amp;PT KHCN</p>	<p>P.ĐT&amp;TT</p>	<p>2023 – 2024</p>

20.1	4	<p>Nghiên cứu cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút đội ngũ chuyên gia nước ngoài có uy tín chuyên môn cao, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài từ các trường ĐH hàng đầu Châu Á và thế giới.</p> <p>Tăng cường năng lực cho cán bộ khoa học của Trường để cùng với các đối tác xây dựng được các đề tài, dự án hợp tác song phương, các đề tài nghị định thư để phát huy được nội lực, tiềm năng và nâng cao uy tín, thương hiệu của Trường.</p>	<p>BGH, P.QLKH, TT.NC&amp;PT KHCN</p> <p>BGH, P.QLKH, TT.NC&amp;PT KHCN</p>	<p>P.TCNS, Viện ĐTQT</p> <p>P.TCNS, các Khoa/Viện, Bộ môn</p>	2023 – 2025
20.2	4				2024 – 2026
20.3	3				
20.4	4				
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	4.00	<p>Bổ sung hoạt động PVCD vào Chiến lược phát triển của Trường và xây dựng, ban hành một Quy định hoạt động kết nối và PVCD riêng, có một đầu mối quản lý hoạt động PVCD ở cấp trường và cấp đơn vị.</p> <p>Nghiên cứu xây dựng kế hoạch, cơ chế và giải pháp gắn trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể, tổ chức trong công tác PVCD thông qua chính vị trí việc làm, trách nhiệm của từng cá nhân theo các sản phẩm đầu ra tương ứng.</p> <p>Xây dựng bộ chỉ số PVCD tham chiếu đến đóng góp của cơ sở giáo dục đại học trong các chỉ số phát triển năng lực, cạnh tranh quốc gia, nâng cao vị thế của Việt Nam và phát triển quốc gia; xây dựng bộ chỉ tiêu, benchmark, chỉ báo đánh giá mức độ tham gia của từng cá nhân, đơn vị; triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên về hệ thống đo lường giám sát việc kết nối và PVCD; đánh giá, xây dựng các mục tiêu chủ yếu cho từng hoạt động hằng năm làm cơ sở xác định các giải pháp cải tiến, xây dựng hệ thống PVCD bên trong và lấy ý kiến cộng đồng bên ngoài để có giải pháp cải tiến theo từng giai đoạn phù hợp.</p>	HĐT, BGH	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2024
21.1	4		BGH, P.TCNS	Các đơn vị thuộc Trường	2023 – 2025
21.2	4		BGH, P.TCNS	Các đơn vị thuộc Trường	2024 – 2028
21.3	4				
21.4	4				
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	4.50	Xây dựng các giải pháp mạnh về chuẩn ngoại ngữ (điều kiện tốt nghiệp) để tăng tỉ lệ người tốt nghiệp; giải pháp khắc phục xử lý khoa học về việc đăng ký học tập của SV với các học phần;	BGH, P.QLĐT	Các Khoa/ Viện	2023 – 2024

22.1	5	Tăng cường lấy ý kiến phản hồi thông qua hội nghị đối thoại với người học, qua phiếu khảo sát và online, qua kênh cổ vấn học tập, khoa chuyên môn và các kênh khác.	BGH, P.CTSV, KT&ĐBCLGD	Các Khoa/ Viện	2024 – 2025
22.2	4				
22.3	5	Tăng cường giải pháp kỹ thuật để kiểm soát kết quả khách quan của quá trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan; nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, coi trọng việc truyền cảm hứng, phát triển tư duy sáng tạo và dẫn dắt của giảng viên là điều kiện căn cơ để tăng mức độ hài lòng từ người học. Xây dựng chiến lược tư vấn việc làm cho người tốt nghiệp.	BGH, KT&ĐBCLGD	Các Khoa/ Viện	2025 – 2026
22.4	4				2025 – 2027
					BGH, Các Khoa/ Viện
Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	4.17	Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phần đầu nhằm thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn của Trường.	BGH, P.QLKH	TT.NC&PT KHCN	2023 – 2024
23.1	5	Nghiên cứu lựa chọn mô hình hoạt động KHCN, thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa; nghiên cứu phương án và có lộ trình xây dựng trung tâm chuyên giao tri thức và công nghệ.	BGH, P.QLKH	P.ĐT&TT, TT.NC&PT KHCN	2023 – 2026
23.2	5	Tăng cường huy động mọi nguồn lực tài chính cho NCKH, trong đó có nguồn thu từ chuyển giao KHCN; có các giải pháp tích cực để quản lý, bảo hộ các TSTT, tăng cường công tác SHTT của Trường. Ngoài ra, cần xây dựng cơ sở dữ liệu về mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, GV và người học.	BGH, P.QLKH	P.ĐT&TT, P.KHTC, TT.NC&PT KHCN	2023 – 2025
23.3	4				
23.4	3				
23.5	4				
23.6	4				
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4.00	Xây dựng chiến lược và mục tiêu cụ thể cho từng nhóm việc làm và đối tượng tham gia, nguồn lực tương ứng, đơn vị phối hợp để thực hiện công tác kết nối và PVCD theo sứ mạng, mục tiêu và nguồn lực của Trường; các giải pháp, chương trình thực thi thực hiện xây dựng xã hội học tập cộng đồng, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lan tỏa tri thức, nâng cao dân trí, phổ biến tri thức khoa học, cập nhật ra cộng đồng;	BGH, P.TCNS	Các Khoa/ Viện, Công đoàn, Đoàn TN	2023 – 2026
24.1	4	Xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát và đối sánh; xác lập hệ thống chỉ báo KPIs và chỉ số thực hiện cho các loại hình và khối lượng tham gia, định kỳ giám sát và đối sánh các loại hình và khối lượng tham gia để	BGH, P.TCNS	Các đơn vị thuộc Trường	2025 – 2028
24.2	4				
24.3	4				
24.4	4				

		<p>đề xuất cải tiến và đánh giá hiệu quả cụ thể của việc cải tiến hoạt động PVCD;</p> <p>Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội cũng như mức độ tác động của hoạt động đối với người học và đội ngũ CCVC thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch năm học, có hướng dẫn và kế hoạch triển khai phù hợp.</p>	BGH, P.TCNS	Các đơn vị thuộc Trường	2025 – 2028
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4.00	<p>Nghiên cứu điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng đa dạng hóa nguồn thu, không quá dựa vào học phí, chú trọng nhiều hơn đến nguồn lực cho NCKH, cần khai thác hiệu quả các nguồn lực của Trường nhằm tiếp cận các quỹ KH-CN của doanh nghiệp, tăng nguồn kinh phí cho KHCN; nghiên cứu xây dựng các giải pháp đột phá nhằm tăng nguồn thu từ tư vấn, chuyên gia công nghệ, hợp tác quốc tế, đào tạo ngắn hạn, PVCD; điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng cơ cấu chi hợp lý, tăng chi cho đào tạo và NCKH, nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường đến 2030, tầm nhìn 2040. Đồng thời, xây dựng bộ KPIs phù hợp cho chiến lược phát triển; rà soát và đánh giá các chỉ số thị trường trên cơ sở yếu tố chất lượng (ĐT, NCKH, PVCD); đối sánh với các CSGD phù hợp; lựa chọn đối sánh ví dụ điển hình tốt nhất hoặc các đối tác/tổ chức trong nước và quốc tế có gần lĩnh vực hoạt động; thực hiện đối sánh thường xuyên hướng tới đổi mới, sáng tạo; ban hành văn bản riêng quy định các chỉ số và hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.</p>	HĐT, BGH, P.KHTC	P.QLKH, P.TCNS, TT.NC&ĐT KNNN	2023 – 2028
25.1	4				
25.2	4				

**Nơi nhận:**

- CT-HĐT, BGH (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để thực hiện)
- Lưu: VT, P.KT&ĐBCLGD

HIỆU TRƯỞNG *M*

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI

*Comes*

PGS.TS. *Nguyễn Hoàng*